

Bản án số: **32/2019/KDTM-ST**
Ngày 21 tháng 8 năm 2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Hiệp.
2. Bà Đặng Thị Kim Nhung.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Đức Tài - Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 81/2018/TLST-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty L;

Địa chỉ: Lô A59/I, đường số 7, khu công nghiệp V, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh B - Tổng Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân V, sinh năm 1978; Địa chỉ: số 48/10A, đường số 6, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Có mặt*)

- *Bị đơn:* Công ty A;

Trụ sở: AG09 (Tầng trệt), Tòa nhà E - số 299, đường L, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hữu T - Giám đốc; Địa chỉ: số 761/1, đường B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân quận T, nguyên đơn Công ty L do ông Lê Xuân V là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/4/2012 Công ty L (sau đây gọi là Công ty L) và Công ty A (sau đây gọi là Công ty A) đã ký kết Hợp đồng mua bán số 171/HĐMB.KCNVL 2012 về việc mua bán vật

tư xây dựng (thép các loại). Đơn giá 17.000 đồng/kg. Phương thức và địa điểm giao hàng: giao theo đơn đặt hàng của Công ty A tại Khu Công nghiệp N. Phương thức thanh toán: chuyển khoản theo từng đợt hàng, mỗi đợt hàng thanh toán 02 lần (lần 1 thanh toán 30% giá trị đơn hàng trong vòng 07 ngày kể từ ngày giao hàng, lần 2 thanh toán 70% giá trị đơn hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao hàng).

Thực hiện Hợp đồng, Công ty L đã giao hàng cho Công ty A với tổng giá trị là 1.640.939.455 đồng, được thể hiện tại các Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0008342 ngày 04/5/2012 (số tiền 705.839.751 đồng); Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0008522 ngày 23/5/2012 (số tiền 783.303.340 đồng) và Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0009149 ngày 23/6/2012 (số tiền 151.796.364 đồng). Từ ngày 03/5/2012 đến ngày 29/12/2015, Công ty A đã tiến hành thanh toán cho Công ty L tổng số tiền 1.600.939.455 đồng, còn nợ lại số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 01/7/2017 hai bên đã tiến hành ký Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó xác định số tiền hàng Công ty A còn nợ Công ty L là 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty A vẫn chưa thanh toán số nợ trên dù Công ty L đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở.

Nay Công ty L kính đề nghị Tòa án nhân dân quận T tuyên buộc Công ty A hoàn trả số tiền nợ cho Công ty L là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Yêu cầu hoàn trả 01 lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Công ty L không yêu cầu Công ty A trả tiền lãi đối với số nợ trên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo Thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Giấy triệu tập đương sự cho bị đơn Công ty A (do ông Trần Hữu Thịnh là đại diện theo pháp luật) nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và không vì sự kiện bất khả kháng. Do đó, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh lập Biên bản không tiến hành hòa giải được và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty L (do ông Lê Xuân V là đại diện theo ủy quyền) yêu cầu Tòa án buộc Công ty A hoàn trả số tiền nợ cho Công ty L là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Yêu cầu hoàn trả 01 lần khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Công ty L không yêu cầu Công ty A trả tiền lãi đối với số nợ trên.

Bị đơn Công ty A (do ông Trần Hữu T là người đại diện theo pháp luật) vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án dân sự. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Nhận thấy Công ty L và Công ty A có ký Hợp đồng mua bán vật tư xây dựng số 171/HĐMB.KCNVL 2012 và Công ty A xác nhận còn nợ số tiền 40.000.000 đồng là có thật. Do đó, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty L. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc Công ty A phải thanh toán số tiền 40.000.000 đồng cho Công ty L, trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của Công ty L và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền, giữa Công ty L và Công ty A (trụ sở tại số 761/1, đường B, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) có quan hệ hợp đồng mua bán hàng hóa được quy định từ Điều 24 đến Điều 62 Luật Thương mại. Do phía Công ty A không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên Công ty L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận T giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo Thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho Công ty A, theo qui định tại Điều 179, Điều 196, Điều 208, khoản 2 Điều 220, khoản 3 Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng Công ty A vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty A theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ là 40.000.000 đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi do chậm trả.

Xét thấy Hợp đồng mua bán số 171/HĐMB.KCNVL 2012 ngày 10/4/2012 về việc mua bán vật tư xây dựng được ký kết giữa Công ty L và Công ty A thì sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, hình thức và nội dung Hợp đồng không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng. Công ty L đã thực hiện nghĩa vụ giao hàng, tuy nhiên Công ty A không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán như đã thỏa thuận. Căn cứ vào Bản sao Biên bản xác nhận công nợ ngày 10/7/2017; Bản sao các Chứng từ giao dịch ngày 03/5/2012, 22/5/2012, 22/6/2012, 25/6/2012, 05/10/2012, 17/12/2012, 08/01/2013, 18/4/2013, 02/12/2013, 11/02/2015, 25/11/2015 và 29/12/2015; Bản sao các Hóa đơn giá trị gia tăng số 0008342 ngày 04/5/2012, số 0008522 ngày 23/5/2012 và số 0009149 ngày 23/6/2012 cùng với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên Tòa, đã có đủ căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền mua hàng là 40.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán số nợ 40.000.000 đồng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa để giải quyết vụ án và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là thể hiện sự thiếu thiện chí và cố tình kéo dài thời hạn thanh toán số nợ trên, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ là 40.000.000 đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 50 và Điều 55 Luật thương mại, nên có cơ sở chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu lãi suất đối với số nợ trên.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 khoản 2

Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 178, Điều 179, Điều 196, Điều 208, khoản 2 Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 233, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 267 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 24, Điều 34, Điều 50, Điều 55 và Điều 306 Luật thương mại;

- Luật thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty L.

Trách nhiệm thanh toán: Buộc bị đơn Công ty A có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty L số tiền nợ theo Hợp đồng mua bán số 171/HĐMB.KCNVL 2012 ngày 10/4/2012 là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng. Công ty L không yêu cầu lãi suất đối với số nợ trên.

Phương thức thanh toán: Trả một lần toàn bộ số nợ ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Hoàn trả lại cho Công ty L số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 (Ba triệu) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0012310 ngày 21/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng thời gian chậm trả và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Trang